|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Trong viêm phế quản phổi, các dấu hiệu cơ năng nào dưới đây làphù hợp. Chọn đáp án đúng nhất   1. Sốt 2. Ho 3. Khó thở, tím tái 4. Nôn ra đờm |
| \* | Ý 1, 2, 3 đúng |
|  | Ý 1, 2, 4 đúng |
|  | Ý 2, 3, 4 đúng |
|  | Cả 4 ý trên đều đúng |
| End |  |
| 002 | Trong viêm phế quản phổi nghe phổi thấy tiếng ran nào là đặc hiệu nhất |
|  | Ran ẩm to hạt |
|  | Ran ẩm nhỏ hạt |
|  | Ran rít, ran ngáy |
| \* | Ran ẩm to nhỏ hạt |
| End |  |
| 003 | Trong viêm phế quản phổi, suy hô hấp xuất hiện khi độ bão hoà ôxy trong máu là: |
|  | SaO2 < 100 % |
|  | SaO2 < 95 % |
| \* | SaO2 < 90 % |
|  | SaO2 < 85 % |
| End |  |
| 004 | Trong viêm phế quản phổi, suy hô hấp xuất hiện khi giá trị (PaO2) là |
| \* | (PaO2) < 60 mmHg |
|  | (PaO2) < 70 mmHg |
|  | (PaO2) < 80 mmHg |
|  | (PaO2) < 90 mmHg |
| End |  |
| 005 | Khi nghe phổi, trường hợp nào dưới đây làđiển hìnhcủa viêm phế quản phổi |
|  | Nghe phổi ở vùng tổn thương thấy ran ẩm to nhỏ hạt + tiếng vang phế quản hoặc tiếng thổi ống. |
| \* | Nghe phổi thấy ran ẩm to, nhỏ hạt, raỉ rác hai bên phế trường |
|  | Nghe phổi thấy ran ẩm to hạt + ran rít, ran ngáy hai bên |
|  | Nghe phổi thấy ran rít và ran ngáy hai bên |
| End |  |
| 006 | Hình ảnh X-Quang nào làđiển hìnhtrong viêm phế quản phổi: |
| \* | Hình ảnh những nốt mờ to nhỏ không đồng đều rải rác hai bên phế trường. |
|  | Hình ảnh một đám mờ hình tam giác, đỉnh quay vào trong, đáy quay ra ngoài. |
|  | Hình ảnh bóng hơi tròn hay bầu dục, bờ mảnh và nét, thay đổi theo không gian và thời gian. |
|  | Hình ảnh phổi sáng hơn bình thường, xương đòn dâng cao, cơ hoành hạ thấp, xương sườn nằm ngang, các khoang liên sườn giãn rộng. |
| End |  |
| 007 | Nguyên nhân nàotrong các nguyên nhân sau hay gây viêm phế quản phổi nhấtở trẻ sơ sinh |
| \* | Vi khuẩn Gram(-) |
|  | Phế cầu. |
|  | Tụ cầu trùng vàng |
|  | Virus |
| End |  |
| 008 | Xét nghiệm công thức máu của một số bệnh sau: ý nào **không phù hợp** |
|  | Trong viêm phổi thuỳ xét nghiệm công thức máu thấy bạch cầu tăng và bạch cầu đa nhân trung tính tăng. |
|  | Trong tụ cầu phổi màng phổi xét nghiệm công thức máu nếu thấy bạch cầu giảm thì tiên lượng xấu. |
| \* | Trong viêm phế quản phổi, xét nghiệm công thức máu thấy bạch cầu Lympho tăng. |
|  | Trong hen phế quản xét nghiệm công thức máu thấy bạch cầu ưa axit tăng |
| End |  |
| 009 | Các dấu hiệu lâm sàng của tràn mủ màng phổi: tìm ý **sai** |
|  | Gõ đục . |
|  | Nghe rì rào phế nang giảm. |
| \* | Rung thanh tăng. |
|  | Trung thất bị đẩy sang bên lành. |
| End |  |
| 010 | Các dấu hiệu lâm sàng của tràn khí màng phổi: tìm ý **sai** |
|  | Gõ đục |
|  | Nghe rì rào phế nang giảm. |
|  | Rung thanh giảm. |
| \* | Trung thất bị kéo về bên tổn thương. |
| End |  |
| 011 | Các dấu hiệu lâm sàng của tràn khí, tràn mủ màng phổi: tìm ý **sai** |
|  | Lồng ngực bên tổn thương vồng hơn. |
|  | Gõ vang hơn ở vùng cao, đục ở vùng thấp. |
| \* | Rung thanh tăng. |
|  | Rì rào phế nang giảm. |
| End |  |
| 012 | Các dấu hiệu lâm sàng của xẹp phổi: tìm ý **sai** |
|  | Nhìn lồng ngực bên xẹp lép hơn. |
|  | Gõ đục. |
|  | Rì rào phế nang giảm. |
| \* | Rung thanh bên phổi xẹp tăng |
| End |  |
| 013 | Trong viêm phế quản phổi vi khuẩn xâm nhập vào phổi qua những đường nào trong các đường sau. Chọn đáp án đúng nhất   1. Đường máu. 2. Đường bạch huyết. 3. Đường tai mũi họng. 4. Đường tiêu hóa |
| \* | Ý 1, 2, 3 đúng |
|  | Ý 1, 3, 4 đúng |
|  | Ý 2, 3, 4 đúng |
|  | Cả 4 ý trên đều đúng |
| End |  |
| 014 | Yếu tố thuận lợi của viêm phế quản phổi ở trẻ em. Ý nào **không phù hợp**. |
|  | Thời tiết lạnh, chuyển mùa. |
|  | Trẻ đẻ non, đẻ ngạt. |
|  | Còi xương, suy dinh dưỡng, suy giảm miễn dịch |
| \* | Trẻ càng lớn càng dễ mắc. |
| End |  |
| 015 | Các dấu hiệu cơ năng chính của viêm phế quản phổi. Chọn đáp án đúng nhất   1. Sốt 2. Ho 3. Khó thở, tím tái. 4. Thở rít |
| \* | Ý 1, 2, 3 đúng |
|  | Ý 1, 2, 4 đúng |
|  | Ý 2, 3, 4 đúng |
|  | Cả 4 ý trên đều đúng |
| End |  |
| 016 | Nguyên nhân chính gây viêm phế quản phổi thường gặp. Tìm ý sai |
|  | Vi khuẩn |
|  | Virus |
|  | Ký sinh trùng |
| \* | Nấm |
| End |  |
| 017 | Yếu tố thuận lợi gây viêm phế quản phổi ở trẻ em. Chọn câu trả lời đúng nhất   1. Tuổi càng nhỏ càng dễ mắc. 2. Thời tiết lạnh, chuyển mùa. 3. Trẻ đẻ non, đẻ ngạt, còi xương, suy dinh dưỡng. |
|  | Ý 1 và 2 đúng |
|  | Ý 2 đúng |
|  | Ý 2 và 3 đúng |
| \* | Cả 3 ý trên đều đúng |
| End |  |
| 018 | Nguyên tắc điều trị Viêm phế quản phổi. Chọn câu trả lời đúng nhất   1. Chống nhiễm trùng. 2. Chống suy hô hấp. 3. Chống trụy tim mạch và điều trị triệu chứng |
|  | Ý 1 đúng |
|  | Ý 2 và 3 đúng |
|  | Ý 1 và 3 đúng |
| \* | Cả 3 ý trên đúng |
| End |  |
| 019 | Điều trị Viêm phế quản phổi sơ sinh, trong các công thức sau, công thức nào là **đúng nhất**: |
| \* | Penicilin + Gentamixin |
|  | Cefradin |
|  | Ampicilin + Biseptol |
|  | Erythomicin + Biseptol |
| End |  |